

000000

Đơn vị: Triệu đồng
Số tiền: ...
Số chữ: ...

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

Handwritten notes in red ink on the right margin.

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 35
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 09 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452595 ngày 25/12/2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên
Ông Lê Văn Sơn	Thành viên
Bà Dương Thị Lan	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Châu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phạm Thành Đạt	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;

Công ty Cổ phần Nam Dược

Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Châu

Số: 641/2017/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nam Dược**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Dược được lập ngày 15 tháng 03 năm 2017, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty TNHH Nam Dược Phương Nam - Công ty con của Công ty không thực hiện kiểm kê tiền mặt với số dư trên sổ kế toán là 6.916.763.720 VND. Với các tài liệu hiện có, bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác, chúng tôi không khẳng định được tính hiện hữu của khoản mục này tại thời điểm trên. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty;

- Trên chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, Công ty đang ghi nhận tăng một phần lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho các năm trước đã bán hết đến ngày 31/12/2016 và ghi giảm một khoản liên quan đến hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tương ứng với số tiền lần lượt là 9 tỷ đồng và 1,13 tỷ đồng. Điều này dẫn đến chỉ tiêu Giá vốn hàng bán năm 2015 bị ghi nhận thiếu và năm 2016 bị ghi nhận thừa với cùng một số tiền là 9 tỷ đồng; chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế TNDN tại 31/12/2015 bị ghi nhận thừa và tại 31/12/2016 bị ghi nhận thiếu với cùng số tiền là 7,87 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Dược tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính vấn đề sau: Các giao dịch với các bên liên quan trong năm chưa được phê duyệt theo đúng thẩm quyền theo quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng (chi tiết Thuyết minh số 06, 37).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nam Dược cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán An Việt. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc không khẳng định được tính hiện hữu của khoản mục tiền mặt tại ngày 31/12/2015 của Công ty TNHH Nam Dược Phương Nam với số tiền 4.427.671.186 VND và khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã tạm ngừng hoạt động từ ngày 15/02/2006 nhưng đang được trình bày theo giá gốc trên báo cáo tài chính hợp nhất cũng như chưa đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư này. Vấn đề về tính hiện hữu của số dư tiền mặt tại Công ty TNHH Nam Dược Phương Nam tiếp tục ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay còn việc chưa dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược không ảnh hưởng trọng yếu.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0777-2013-002-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Diệu Trang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0938-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		139.084.399.002	122.362.949.637
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	23.565.994.010	19.205.166.678
111 1. Tiền		20.565.994.010	19.205.166.678
112 2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	-
120 II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	35.000.000.000	-
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		35.000.000.000	-
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		21.921.035.612	16.916.841.682
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.970.595.159	2.997.530.719
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	17.387.904.400	10.715.575.595
135 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	3.100.000.000
136 4. Phải thu ngắn hạn khác	7	562.536.053	103.735.368
140 IV. Hàng tồn kho	8	56.754.716.412	85.537.749.841
141 1. Hàng tồn kho		56.754.716.412	85.537.749.841
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		1.842.652.968	703.191.436
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	486.583.902	352.383.498
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		34.463.900	-
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	1.321.605.166	350.807.938
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		35.096.863.275	35.554.476.158
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		445.621.000	445.621.000
212 1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	292.621.000	292.621.000
216 2. Phải thu dài hạn khác	7	153.000.000	153.000.000
220 II. Tài sản cố định		30.648.982.846	31.458.957.046
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	30.648.982.846	31.378.814.258
222 - Nguyên giá		106.315.587.615	101.541.842.381
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(75.666.604.769)	(70.163.028.123)
227 2. Tài sản cố định vô hình	11	-	80.142.788
228 - Nguyên giá		801.428.129	801.428.129
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(801.428.129)	(721.285.341)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.639.813.341	218.860.000
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	1.639.813.341	218.860.000
250 V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	255.000.000	255.000.000
253 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		255.000.000	255.000.000
260 VI. Tài sản dài hạn khác		2.107.446.088	3.176.038.112
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.902.170.128	1.894.481.517
262 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30	205.275.960	1.281.556.595
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		174.181.262.277	157.917.425.795

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		35.642.562.932	35.633.793.616
310 I. Nợ ngắn hạn		35.642.562.932	35.633.793.616
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	10.065.563.227	3.668.160.205
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		385.632.919	84.432.131
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	995.515.894	2.353.144.158
314 4. Phải trả người lao động		12.320.564.253	7.777.431.584
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	212.174.818	406.059.768
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.465.008.194	1.316.412.221
320 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	10.000.000.000	19.728.833.413
322 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		198.103.627	299.320.136
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		138.538.699.345	122.283.632.179
410 I. Vốn chủ sở hữu	18	138.538.699.345	122.283.632.179
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		56.800.000.000	56.800.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		56.800.000.000	56.800.000.000
421 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		81.738.699.345	65.483.632.179
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		61.347.020.358	52.551.395.777
421b - LNST chưa phân phối năm nay		20.391.678.987	12.932.236.402
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		174.181.262.277	157.917.425.795

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	264.796.238.058	215.741.664.082
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	371.689.469	432.108.009
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		264.424.548.589	215.309.556.073
11	4. Giá vốn hàng bán	22	140.541.346.595	97.771.089.343
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		123.883.201.994	117.538.466.730
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	689.555.369	47.017.172
22	7. Chi phí tài chính	24	212.584.892	1.655.281.344
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		211.934.892	1.650.692.003
24	7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	25	72.161.478.549	72.986.862.516
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30.628.614.089	28.379.911.500
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.570.079.833	14.563.428.542
31	11. Thu nhập khác	27	18.487.918	790.840.649
32	12. Chi phí khác	28	18.219.081	129.743.950
40	13. Lợi nhuận khác		268.837	661.096.699
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.570.348.670	15.224.525.241
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	1.232.389.048	1.176.763.115
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30	(53.719.365)	1.115.525.724
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		20.391.678.987	12.932.236.402
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		20.391.678.987	12.932.236.402
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	3.590	2.277

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức



Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc

Hoàng Minh Châu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	21.570.348.670	15.224.525.241
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	5.968.648.099	6.008.580.542
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	(497.580)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(703.191.733)	(227.017.172)
06	- Chi phí lãi vay	211.934.892	1.650.692.003
07	- Các khoản điều chỉnh khác	9.000.000.000	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	36.047.739.928	22.656.283.034
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	1.841.194.388	2.755.754.784
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	28.783.033.429	(3.153.840.590)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả - (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	9.991.342.395	(15.583.189.214)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	(141.889.015)	2.243.116.729
13	- Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	(232.982.872)	(1.620.269.023)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.876.763.115)	(3.600.199.586)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	1.270.362.161
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(747.828.330)	(1.842.124.238)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	73.663.846.808	3.125.894.057
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(16.579.627.240)	(386.990.909)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	13.636.364	180.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(35.000.000.000)	(3.100.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	3.100.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	257.324.813	47.017.172
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(48.208.666.063)	(3.259.973.737)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu đi vay	10.000.000.000	65.488.382.226
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(19.728.833.413)	(54.003.900.201)
35	2. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	-	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(11.365.520.000)	(11.015.040.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(21.094.353.413)	469.442.025
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	4.360.827.332	335.362.345

CHỖ HẠN TOÁN C
 TP. HỒ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm		19.205.166.678	18.869.306.753
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	497.580
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>23.565.994.010</u>	<u>19.205.166.678</u>


Người lập biểu

Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017
Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Châu

Hoàng Minh Châu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 09 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452595 ngày 25/12/2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 56.800.000.000 VND (Năm mươi sáu tỷ, tám trăm triệu đồng).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng.

Cấu trúc tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Nam Dược	Nam Định	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh dược phẩm

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

3011
CÔNG
CHÍNH
KIỂM
AA
KIỂM

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh”.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- *Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư*: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- *Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 04 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 08 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	10 năm

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo, và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Ưu đãi thuế

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 437/2005/VP5 ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định và quy định tại Khoản 3 Điều 34 và Khoản 5 Điều 35 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007, Công ty TNHH Nam Dược - Công ty con được hưởng ưu đãi thuế từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục ngành nghề, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư:

- Thuế suất 10% áp dụng trong thời gian 15 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh;
- Miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.

Theo đó, năm 2016 là năm thứ 07 Công ty TNHH Nam Dược áp dụng ưu đãi thuế giảm 50% số thuế phải nộp đối với phần thu nhập từ dự án đầu tư mang lại.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	8.210.669.004	4.600.153.892
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.355.325.006	14.605.012.786
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	-
	23.565.994.010	19.205.166.678

(*): Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Nam Định; lãi suất 4,5%/năm; đáo hạn ngày 07/01/2017.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	35.000.000.000	35.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	35.000.000.000	35.000.000.000	-	-
	35.000.000.000	35.000.000.000	-	-

(*): Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng của Công ty TNHH Nam Dược - Công ty con gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,1%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược (i)	255.000.000	-	255.000.000	-
	255.000.000	-	255.000.000	-

(i): Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã tạm ngừng hoạt động từ ngày 15/2/2006 và chính thức đóng mã số thuế từ ngày 21/09/2006.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty TNHH Thiết bị Y tế 3M	1.193.047.754	873.491.146
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.777.547.405	2.124.039.573
	<u>3.970.595.159</u>	<u>2.997.530.719</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH TM và Truyền thông Nguyễn Quân	1.578.552.000	-	415.321.145	
Ông Hoàng Minh Châu và bà Dương Thị Sáu (i)	10.000.000.000	-	-	-
Ông Lâm Thanh Vân (ii)	5.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	809.352.400	-	300.254.450	-
	<u>17.387.904.400</u>	<u>-</u>	<u>10.715.575.595</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Ông Trần Châu Lâm	292.621.000	-	292.621.000	-
	<u>292.621.000</u>	<u>-</u>	<u>292.621.000</u>	<u>-</u>

(i): Trả trước tiền mua đất theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 958/2016 và 959/2016 ngày 28 tháng 12 năm 2016 giữa ông Hoàng Minh Châu và bà Dương Thị Sáu (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Nam Dược do ông Lê Văn Sơn - Phó Tổng Giám đốc ký duyệt, được phê duyệt theo Quyết định số 080/2016/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 16/12/2016. Đối tượng chuyển nhượng của hợp đồng là toàn bộ quyền sử dụng đất tại địa chỉ Lô A2 và A4, ô D7, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 686421 và CE 686422. Tổng giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo các Hợp đồng trên là 70,09 tỷ đồng. Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 989427 ngày 25 tháng 01 năm 2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

(ii): Trả trước tiền mua hàng theo Hợp đồng kinh tế mua bán sản phẩm hàng hóa số 0212/2016/HĐKT ngày 01/12/2016 giữa Công ty và ông Lâm Thanh Vân.

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu bảo hiểm xã hội	5.845.522	-	16.087.922	-
Phải thu người lao động	112.809.997	-	64.955.348	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	432.230.556	-	-	-
Phải thu khác	1.649.978	-	12.692.098	-
	562.536.053	-	103.735.368	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	153.000.000	-	153.000.000	-
	153.000.000	-	153.000.000	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	31.475.482.928	-	39.143.405.057	-
Công cụ, dụng cụ	72.427.443	-	137.735.567	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.240.790.663	-	2.218.552.093	-
Thành phẩm	22.207.783.512	-	43.294.963.952	-
Hàng hóa	758.231.866	-	743.093.172	-
	56.754.716.412	-	85.537.749.841	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Mua sắm	590.904.250	218.860.000
Phần mềm quản lý hệ thống phân phối SALESUP (i)	372.044.250	-
Phần mềm kế toán (ii)	218.860.000	218.860.000
Xây dựng cơ bản	1.048.909.091	-
Công trình hệ thống xử lý nước thải (iii)	1.048.909.091	-
	1.639.813.341	218.860.000

(i): Hợp đồng cung cấp và cài đặt phần mềm quản lý hệ thống phân phối số HD/DMS/GESO-NAMDUOC/21092016 ký ngày 21/09/2016 giữa Công ty và Công ty TNHH Giải pháp Doanh nghiệp Toàn cầu. Tổng giá trị hợp đồng là 379.865.000 VND (trong đó, phí bản quyền là 368.692.500 VND). Tại ngày 31/12/2016, phần mềm vẫn đang trong quá trình lắp đặt, chạy thử và chưa được bàn giao, đưa vào sử dụng.

(ii): Phần mềm kế toán được mua sắm từ năm 2013, tuy nhiên Công ty và nhà cung cấp vẫn chưa nghiệm thu, bàn giao để đưa vào sử dụng do một số chức năng của phần mềm chưa đáp ứng được và các lỗi từ phần mềm vẫn tiếp tục phát sinh.

(iii): Xây dựng lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sản xuất 100 m³/ngày đêm tại nhà máy sản xuất ở Nam Định theo Hợp đồng kinh tế số 2006/HĐKT/ND-VVCECI ngày 20/06/2016 giữa Công ty TNHH Nam Dược - Công ty con và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng và Môi trường Việt Nam. Tổng giá trị hợp đồng 1.282.000.000 VND. Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong quý 1/2017.

111
ÔNG
+ NHIỆ
G KI
A K
T N K

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	29.490.310.265	61.616.862.166	5.768.377.872	1.266.551.908	3.399.740.170	101.541.842.381
- Mua trong năm	-	3.169.491.081	1.417.581.818	372.172.000	-	4.959.244.899
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	199.429.000	-	-	-	-	199.429.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(65.000.000)	-	-	(65.000.000)
- Phân loại theo TT 45/2013/TT-BTC	-	-	-	(319.928.665)	-	(319.928.665)
Số dư cuối năm	29.689.739.265	64.786.353.247	7.120.959.690	1.318.795.243	3.399.740.170	106.315.587.615
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	12.246.093.794	50.335.595.969	3.309.457.188	948.935.550	3.322.945.622	70.163.028.123
- Khấu hao trong năm	2.720.202.877	2.361.105.770	620.108.351	147.517.315	39.570.998	5.888.505.311
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(65.000.000)	-	-	(65.000.000)
- Phân loại theo TT 45/2013/TT-BTC	-	-	-	(319.928.665)	-	(319.928.665)
Số dư cuối năm	14.966.296.671	52.696.701.739	3.864.565.539	776.524.200	3.362.516.620	75.666.604.769
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	17.244.216.471	11.281.266.197	2.458.920.684	317.616.358	76.794.548	31.378.814.258
Tại ngày cuối năm	14.723.442.594	12.089.651.508	3.256.394.151	542.271.043	37.223.550	30.648.982.846

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 53.317.918.457 VND

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là chi phí san lấp mặt bằng 10.000 m² đất thuê 49 năm từ ngày 24/09/2003 tại lô M13 (C4-9), khu công nghiệp Hòa Xá, tỉnh Nam Định. Đến 31/12/2016, tài sản cố định vô hình đã được khấu hao toàn bộ.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	9.593.072	-
Chi phí quảng cáo, làm biển quảng cáo	108.906.223	84.328.008
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	26.046.203	26.898.250
Phí duy trì tên miền	17.065.589	17.229.500
Phí dịch vụ đăng tuyển trên Vietnam Work	-	12.461.400
Chi phí thuê văn phòng	220.000.000	165.000.000
Các khoản khác	104.972.815	46.466.340
	<u>486.583.902</u>	<u>352.383.498</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	905.919.051	611.728.597
Phí xây dựng chiến lược kinh doanh và hệ thống quản lý nhân sự	213.383.848	410.353.540
Chi phí thiết kế Website	62.999.982	125.999.994
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	490.479.456	479.833.751
Chi phí san lấp giải phóng mặt bằng tại Nhà máy của Công ty TNHH Nam Dược	199.666.029	229.246.173
Chi phí trả trước dài hạn khác	29.721.762	37.319.462
	<u>1.902.170.128</u>	<u>1.894.481.517</u>

13 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Nam Định (i)	14.114.467.785*	14.114.467.785	5.000.000.000	14.114.467.785	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	5.614.365.628	5.614.365.628	-	5.614.365.628	-	-
- Phạm Thành Đạt (ii)	-	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000
	19.728.833.413	19.728.833.413	10.000.000.000	19.728.833.413	10.000.000.000	10.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(i): Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1216-HĐTD/NHCT382-KHDN/TNHH NAM DUOC-01 ngày 23 tháng 12 năm 2016 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Nam Định và Công ty TNHH Nam Dược: Tổng dư nợ cho vay theo hợp đồng tại mọi thời điểm không vượt quá 16.000.000.000 VND. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 0907/2015-HĐTDHM/NHCT382-NAM DUOC ngày 09/07/2015 ký giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Nam Định và Công ty. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 23/12/2016 đến hết ngày 23/12/2017. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thuốc, dược liệu, thực phẩm chức năng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi nhận trên Giấy chứng nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7,5%/năm áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng và sẽ được điều chỉnh theo phương thức lãi suất cho vay thả nổi theo quy định của Ngân hàng. Gốc được thanh toán vào ngày trả nợ ghi trên Giấy nhận nợ hoặc thời điểm khác theo sự thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên; lãi được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.

Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô A18/D7 khu Đô thị Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội. Chủ sở hữu: Ông Hoàng Minh Châu - Tổng Giám đốc Công ty và bà Dương Thị Sáu - vợ Tổng Giám đốc Công ty;
- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 02, ngách 01, ngõ 132, tổ 17, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội. Chủ sở hữu: Bà Dương Thị Hà và Ông Lê Xuân Hạnh - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

(ii): Khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 001/2016-HĐVT ngày 23/12/2016 giữa Công ty TNHH Nam Dược và ông Phạm Thành Đạt - Kế toán trưởng Công ty TNHH Nam Dược, thành viên Ban kiểm soát Công ty. Số tiền vay 5.000.000.000 đồng; thời hạn vay 02 tháng; lãi suất 0%/tháng.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Sản xuất Oai Hùng Constantia	926.589.742	926.589.742	-	-
Công ty TNHH Suheung Việt nam	1.000.780.000	1.000.780.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Truyền thông Nguyễn Quân	924.509.091	924.509.091	-	-
Bà Đỗ Thị Hoa	1.025.138.600	1.025.138.600	63.700.000	63.700.000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Bao Bì Sông Lam	768.792.026	768.792.026	498.126.045	498.126.045
Các đối tượng khác	5.419.753.768	5.419.753.768	3.106.334.160	3.106.334.160
	10.065.563.227	10.065.563.227	3.668.160.205	3.668.160.205

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	đầu năm	đầu năm	trong năm	trong năm	cuối năm	cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	350.807.938	2.068.638.684	26.730.427.004	28.224.831.910	720.000.000	943.425.840
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	23.168.600	23.168.600	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	125.955.177	1.232.389.048	1.876.763.115	518.418.890	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	158.550.297	1.259.045.818	1.408.692.337	43.186.276	52.090.054
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	81.663.000	121.663.000	40.000.000	-
Thuế môn bài	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
	350.807.938	2.353.144.158	29.334.693.470	31.663.118.962	1.321.605.166	995.515.894

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9.375.000	30.422.980
Chi phí quảng cáo	8.400.000	71.949.600
Chi phí cước vận chuyển, cước viễn thông	31.604.676	43.341.109
Chi phí phải trả khác	162.795.142	260.346.079
	212.174.818	406.059.768

17 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	126.135.864	17.309.199
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	660.000.000	641.500.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	558.760.000	564.280.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	120.112.330	93.323.022
	1.465.008.194	1.316.412.221

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	56.800.000.000	66.108.429.025	122.908.429.025
Lãi trong năm trước	-	12.932.236.402	12.932.236.402
Tăng khác	-	72.744.252	72.744.252
Phân phối lợi nhuận	-	(13.629.777.500)	(13.629.777.500)
Số dư cuối năm trước *	56.800.000.000	65.483.632.179	122.283.632.179
Lãi trong năm nay	-	20.391.678.987	20.391.678.987
Phân phối lợi nhuận	-	(12.006.611.821)	(12.006.611.821)
Điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện các năm trước	-	7.870.000.000	7.870.000.000
Số dư cuối năm nay	56.800.000.000	81.738.699.345	138.538.699.345

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2016, Công ty mẹ công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Số tiền VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	646.611.821
Chi trả cổ tức năm 2015 trên vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.000 VND)	11.360.000.000

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	Tỷ lệ	01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Bà Dương Thị Sáu	14.174.500.000	24,96	14.174.500.000	24,96
Ông Nguyễn Văn Giang	3.220.000.000	5,67	3.220.000.000	5,67
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Trancorp	2.831.000.000	4,98	2.831.000.000	4,98
Các cổ đông khác	36.574.500.000	64,39	36.574.500.000	64,39
	56.800.000.000	100,00	56.800.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	56.800.000.000	56.800.000.000
- Vốn góp cuối năm	56.800.000.000	56.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	11.360.000.000	11.360.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.680.000	5.680.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.680.000	5.680.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.680.000	5.680.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.680.000	5.680.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.680.000	5.680.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
USD	402,16	418,66
EUR	99,20	110,17

100117
 CÔNG
 ÁCH NHIỆ
 ẶNG KIẾ
 AA
 TÍN KIẾM

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	264.796.238.058	215.741.664.082
	264.796.238.058	215.741.664.082
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)</i>	21.785.957.370	17.032.096.060

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chiết khấu thương mại	-	7.153.228
Hàng bán bị trả lại	371.689.469	424.954.781
	371.689.469	432.108.009

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	140.541.346.595	97.771.089.343
	140.541.346.595	97.771.089.343

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	689.555.369	45.550.379
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	1.466.793
	689.555.369	47.017.172

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	211.934.892	1.650.692.003
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	650.000	4.589.341
	212.584.892	1.655.281.344

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	229.879.742	297.494.349
Chi phí nhân công	30.920.132.774	23.767.690.687
Chi phí khấu hao tài sản cố định	142.606.209	121.940.329
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.273.573.564	38.021.685.766
Chi phí khác bằng tiền	9.595.286.260	10.778.051.385
	<u>72.161.478.549</u>	<u>72.986.862.516</u>

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.020.728.483	1.317.915.472
Chi phí nhân công	19.952.955.186	16.275.174.991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	970.539.195	1.139.630.422
Thuế, phí và lệ phí	136.798.286	257.940.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.141.268.172	7.044.201.158
Chi phí khác bằng tiền	1.406.324.767	2.345.049.290
	<u>30.628.614.089</u>	<u>28.379.911.500</u>

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	13.636.364	210.000.000
Phải trả người bán được xóa nợ	-	503.026.984
Các khoản khác	4.851.554	77.813.665
	<u>18.487.918</u>	<u>790.840.649</u>

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	8.002.536	94.735.592
Các khoản khác	10.216.545	35.008.358
	<u>18.219.081</u>	<u>129.743.950</u>

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Công ty TNHH Nam Dược	1.232.389.048	1.176.763.115
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.232.389.048	1.176.763.115
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước		44.667.511
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	125.955.177	2.504.724.137
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.876.763.115)	(3.600.199.586)
Thuế TNDN phải nộp/(phải thu) cuối năm	(518.418.890)	125.955.177

30 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	205.275.960	1.281.556.595
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	205.275.960	1.281.556.595

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	151.556.595	1.267.082.319
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(205.275.960)	(151.556.595)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(53.719.365)	1.115.525.724

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	20.391.678.987	12.932.236.402
Các khoản điều chỉnh:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	20.391.678.987	12.932.236.402
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.680.000	5.680.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.590	2.277

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.027.366.982	81.743.267.281
Chi phí nhân công	64.498.027.841	51.369.647.735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.968.648.099	6.008.580.542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.528.337.418	44.374.311.976
Chi phí khác bằng tiền	21.202.693.437	20.488.721.260
	207.225.073.777	203.984.528.794

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.565.994.010	-	19.205.166.678	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.686.131.212	-	3.254.266.087	-
Các khoản cho vay	35.000.000.000	-	3.100.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	255.000.000	-	255.000.000	-
	63.507.125.222	-	25.814.432.765	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	10.000.000.000	19.728.833.413
Phải trả người bán, phải trả khác	11.530.571.421	4.984.572.426
Chi phí phải trả	212.174.818	406.059.768
	21.742.746.239	25.119.465.607

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và tương đương tiền	23.565.994.010	-	-	23.565.994.010
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.533.131.212	153.000.000	-	4.686.131.212
Các khoản cho vay	35.000.000.000	-	-	35.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	255.000.000	-	-	255.000.000
	63.354.125.222	153.000.000	-	63.507.125.222
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và tương đương tiền	19.205.166.678	-	-	19.205.166.678
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.101.266.087	153.000.000	-	3.254.266.087
Các khoản cho vay	3.100.000.000	-	-	3.100.000.000
Đầu tư dài hạn khác	255.000.000	-	-	255.000.000
	25.661.432.765	153.000.000	-	25.814.432.765

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	11.530.571.421	-	-	11.530.571.421
Chi phí phải trả	212.174.818	-	-	212.174.818
	<u>21.742.746.239</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>21.742.746.239</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	19.728.833.413	-	-	19.728.833.413
Phải trả người bán, phải trả khác	4.984.572.426	-	-	4.984.572.426
Chi phí phải trả	406.059.768	-	-	406.059.768
	<u>25.119.465.607</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>25.119.465.607</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

c) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	10.000.000.000	65.488.382.226

d) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(19.728.833.413)	(54.003.900.201)

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất, mua bán thuốc, dược phẩm. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất			
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10.715.575.595	11.008.196.595
- Trả trước cho người bán dài hạn	212	292.621.000	-

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc

Hoàng Minh Châu



37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2016</u> VND	<u>Năm 2015</u> VND
Doanh thu bán hàng			
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân (i)	Bên liên quan khác	21.785.957.370	17.032.096.060
Ứng tiền trước mua tài sản			
Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu	Cổ đông lớn của Công ty - Vợ chồng Tổng Giám Đốc	10.000.000.000	-

(i): Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân do Bà Dương Thị Sáu làm Giám đốc đồng thời Bà cũng là Cổ đông lớn - Vợ của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược.

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2016</u> VND	<u>01/01/2016</u> VND
Trả trước cho người bán			
Bà Dương Thị Sáu	Cổ đông lớn - Vợ của Tổng Giám đốc	10.000.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2016</u> VND	<u>Năm 2015</u> VND
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	2.902.892.615	2.863.255.529